

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2023/HS-ST**

Ngày: 28-6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh .

2. Bà Hồ Thị Quyên.

3. Ông Bùi Quang Việt.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Đoàn Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2023/HSST, ngày 16/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2581/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích T**(tên gọi khác: **T1** sinh năm: 1981; tại tỉnh Đồng Nai; Thường trú: ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà **Nguyễn Thị T1**; có chồng (đã ly hôn) và 02 con sinh năm 2002 và năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Ngày 31/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 172/2011/HSST).

+ Ngày 11/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 73/2023/HSST).

Bị bắt tạm giam: 06/01/2021 “có mặt” .

Những người tham gia tố tụng khác:

- **Bị hại:**

+ Bà **Vũ Thị C** năm: 1964. Địa chỉ: **I L, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** “vắng mặt”.

+ Ông **Trần Bình K** năm: 1973. Địa chỉ: **A, Quận T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** “vắng mặt”.

- **Người làm chứng:**

+ Bà **Hoàng Thị M** năm: 1969. Địa chỉ: **A Hòa Bình, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** “vắng mặt”.

+ Bà **Trần Thị L1** năm: 1976. Địa chỉ: **Z**, phòng số 06 chung cư H, đường C, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

+ Ông **Phạm Hữu Q** năm 1968. Địa chỉ: **Số B, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** “vắng mặt”.

+ Ông **Phạm Đình C1** năm: 1983. Địa chỉ: Ấp F xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

+ Ông **Phạm Đoàn T2** T3sinh năm 1979. Địa chỉ: **A, số A, xã B, Huyện B** “có mặt”.

- **Người bào chữa:** ông **Lưu Tân A** T4 và bà **Hoàng Thị K1** Luật sư – **Công ty L5** thuộc **Đoàn L6** Hbào chữa chỉ định cho bị cáo “ông T4vắng mặt, bà K1“có mặt”.

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích T3 tham gia đầu thầu, không được chỉ định thầu, không phải là người quản lý tại các bãi giữ xe, căn tin của **Bệnh viện G2** viện N5nhưng Tđã đưa ra các thông tin không có thật để bà **Vũ Thị C2** ông **Trần Bình K2** lần giao tiền cho **T4** được sang nhượng kinh doanh căn tin và trông

giữ xe. Sau khi nhận tiền T không thực hiện việc giao căn tin, bãi giữ xe như đã cam kết, chiếm đoạt tài sản của bà C2 ông KCụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào năm 2016, bà Hoàng Thị M1 (cur trú tại 15/102/28 đường H, Phường C, Quận A, Thành phố H người kinh doanh tự do) quen biết Nguyễn Thị Bích TT cho bà M2 là có quen biết với ông Phạm Hữu Q1 Giám đốc Bệnh viện G1 Trong lần tham gia chương trình “Blue trắng” tại Bệnh viện G1 chỉ cho bà M3 tin, bãi giữ xe của Bệnh viện G1 và nói các chỗ đó hiện đang kinh doanh tạm thời; ông Q2 giao lại cho T5 doanh. Trước mắt, ông Q3 giao cho T5 doanh ki ốt phía trước cổng Bệnh viện; T6 giao lại cho bà M4 doanh với giá 100.000.000 đồng, bà M5 ý. Sau đó, bà M6 với một người bạn tên Nguyễn Thị Bích H (chưa rõ lai lịch) đưa tiền cho T7 cùng nhau hợp tác xây dựng ki ốt và kinh doanh dạng siêu thị M32 Vào năm 2017, bà M7 biết bà Trần Thị L2 bà N (chưa rõ lai lịch) tại Bệnh viện G1 khoảng tháng 6/2017, T8 ý với bà M8 mới đề sang nhượng căn tin và bãi giữ xe Bệnh viện G1 và bà M9 thiệu bà L1 cho TT nói cho bà L1 biết T là “bò” ông Q4 đốc Bệnh viện G1 Ông Q5 đã giao lại bãi giữ xe, căn tin, ki ốt cho T9 lý. Bãi giữ xe đang trong giai đoạn bàn giao khoảng 02 tháng nữa hết hợp đồng nhưng có thể lấy bãi xe lại sớm hơn vì T quen ông Q6 bà L1 muốn thuê lại thì đặt cọc trước cho T 200.000.000 đồng. Bà L1 về nói lại sự việc cho chị họ là bà Vũ Thị CBà C3 đồng ý gặp và cùng bà M10 L1 đến nhà T chung cư C thuộc Phường A, Quận H đưa cho T 200.000.000 đồng. Sau đó vài ngày, vì sợ chưa có hợp đồng sẽ không an toàn nên bà C4 lại tiền và T10 trả lại cho bà C5 đồng.

Tiếp sau đó, T11 với bà M11 T đã trúng thầu bãi xe và căn tin Bệnh viện N5 địa chỉ số A đường V, xã T, huyện B (Bệnh viện N5 hiện đang tạm giao cho Công ty D2; trong đó, bãi xe khu A đã được T12 cho người khác làm, bãi xe khu B do lực lượng công ích đang làm. T nói bà M9 thiệu bà C6 sang nhượng lại bãi xe này. Bà M12 hệ với bà C7 C đồng ý và yêu cầu bà M13 đi xem bãi xe Bệnh viện N6 Mbà N bà Chẹn gặp T13 Bệnh viện N5 Tại đây, T14 thiệu cho cả 03 người về bãi xe của Bệnh viện N7 nói lại các nội dung đã nói với bà M14 trước. Ngoài ra, T15 nói trước mắt sẽ giao trước cho bà C8 xe khu B; nếu bà C9 nhu cầu thì 01 năm sau khi bãi xe khu A hết hợp đồng T sẽ sang nhượng luôn cho bà C10 khi thỏa thuận với T16 C có báo lại cho bà L1 biết.

Ngày 27/6/2017, bà Mbà N bà C11 L1 cùng nhau đến quán Vườn Nhãn của T17 địa chỉ số E đường T, xã T, huyện B TT tại đây, bà C12 cọc cho T18 tiền 345.000.000 đồng để T19 lại Bãi xe của B Nhi đồng Thành phố; trong đó, bà C13 45.000.000 đồng tiền mặt, anh Nguyễn Tiến D con rể của bà C14 300.000.000 đồng vào tài khoản của T13 Ngân hàng VT viết tay giấy nhận tiền,

với nội dung “Hôm nay ngày 27/6/2017, tôi có nhận của chị Vũ Thị C15 tiền 345.000.000 đồng tôi và chị M15 trách nhiệm đầu thầu bãi xe nhi đồng thành phố tại A, xã T, huyện B 2 bên như sau: 1) Tôi và chị M16 giao được bãi xe sẽ gửi lại số tiền cho chị C16) Chị C17 nhận thì xem như mất số tiền nói trên. Ngày bàn giao là 11/8/2017. ” Sau khi bà C18 tiền đặt cọc và đi về, T10 đưa cho bà M17 bà N1 người 15.000.000 đồng tiền môi giới.

Khoảng đầu tháng 7/2017, Tiếp tục liên lạc với bà C2 nói Tđã trúng thầu căn tin Bệnh viện N5muốn giao cho bà C19 lý; đồng thời sang nhượng lại toàn bộ vật dụng căn tin với giá 90.000.000 đồng thì bà C20 ý. Ngày 04/7/2017, bà C2 bà L3 gặp Ttại quán C3ở địa chỉ số B đường T, Phường A, quận G, bà C13 cho T18 tiền 90.000.000 đồng để T19 lại vật dụng trong căn tin và thầu căn tin của Bệnh viện N8 tay giấy nhận tiền với nội dung “Hôm nay 4/7/2017 tôi có nhận của chị Vũ Thị C21 đồng để bàn giao lại vật dụng trong căn tin và có trách nhiệm đầu thầu căn tin cho chị C22 bàn giao 11/8/2017”.

Vào chiều ngày 22/7/2017, tại quán V1Tvà bà C23 Hợp đồng hợp tác kinh tế không sổ với sự chứng kiến bà L1có nội dung: Tcó trách nhiệm lo đầy đủ thủ tục để hợp thức hóa hợp đồng giữa Tvà Bệnh viện N5tại địa chỉ số A đường V, huyện Bvề việc giao thầu căn tin và ki ốt khu vực cấp cứu cổng A Bệnh viện; bà C24 nhận bàn giao lại công việc thầu căn tin và ki ốt tại khu vực cấp cứu cổng A Bệnh viện sau khi T20 ký hợp đồng chính thức với Bệnh viện. Tại hợp đồng này, T21 viết tay nội dung “Sau khi kết thúc hợp đồng, tôi Nguyễn Thị Bích T22 trả lại tiền cọc cho chị Vũ Thị C25 đồng”. Do đã có thỏa thuận từ trước, bà C18 cho T23.000.000 đồng để sang lại bàn ghế của căn tin; việc giao tiền không có được lập thành văn bản nhưng bà C3 ghi chú vào trang cuối của hợp đồng hợp tác kinh tế. Sau đó, T23 tục dẫn bà M18 căn tin Bệnh viện G1và nói Ttrúng thầu căn tin Bệnh viện G3 bà M8 người sang nhượng. Bà M12 hệ với bà C2 bà C20 ý. Ngày 10/8/2017, bà C26 bà M10 Nvà bà L1gặp Ttại ki ốt kinh doanh dạng siêu thị mini trong khuôn viên Bệnh viện G1do Tgiao cho bà M4 doanh. Tại đây, bà C3 giao cho T18 tiền 134.000.000 đồng đặt cọc để nhận sang nhượng lại căn tin Bệnh viện G4 giấy giao nhận tiền có nội dung “Tôi tên Nguyễn Thị Bích T(25/10/1981) có nhận của chị Vũ Thị C27 đồng”. Sau khi nhận tiền, T24 hẹn 01 tuần sau sẽ bàn giao căn tin cho bà C28 bà C29 về, T10 đưa cho bà M17 bà N1 người 10.000.000 đồng tiền môi giới.

Sau các lần nhận tiền và viết giấy cam kết ngày bàn giao, T3 thực hiện việc bàn giao căn tin, bãi xe và vật dụng căn tin như hứa hẹn. Bà C2 bà L1nhiều lần gặp T25 lại tiền nhưng không đòi được do T10 chuyển nơi ở, có

tình tránh né nên ngày 04/12/2020 bà C30 đơn tố cáo Đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G5

Vụ thứ hai: Năm 2017, ông Trần Bình K3(cư trú tại: tổ G, phường P, quận K, thành phố H ở: 1102 đường H, phường T, Quận G, Thành phố H người kinh doanh tự do) được bà Phạm Thị N2(chưa rõ lai lịch) giới thiệu gặp Nguyễn Thị Bích T26 nhận lại hợp đồng trông giữ bãi xe tại Bệnh viện G6 thiệu là phóng viên Đ có mối quen biết với nhiều lãnh đạo Bệnh viện lớn; trong đó có ông Phạm Hữu Q7(nguyên Giám đốc Bệnh viện G7 thời, thấy T27 tiến hành xây dựng ki ốt bán trái cây tại Bệnh viện (nhưng ngày 14/6/2017 Bệnh viện G1đã lập biên bản đề nghị bà T28 ngay việc xây dựng ki ốt) nên ông K4 tưởng và đồng ý nhận lại hợp đồng trông giữ bãi xe. Sau đó, T29 báo lại với ông K5 việc bãi xe Bệnh viện quận G1đang sửa chữa và lắp máy và đề nghị ông K6 lại bãi xe tại Bệnh viện N5do Tđang làm; còn bãi xe Bệnh viện G1khi nào sửa chữa xong sẽ bàn giao và ký hợp đồng sau. Ngày 22/5/2017, ông K7 cùng vợ là bà Bùi Thị Kim Gông Vũ Đức D1(là cậu vợ), bà Vũ Thị N3(là em vợ) và ông Vũ H1 D2(là em vợ) đến nhà của Ttại chung cư C thuộc Phường A, Quận H, T7 ông K8 ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung Tcho ông K6 lại gói trông giữ xe của Bệnh viện N5với giá 47.000.000 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng đến tháng 01/2022, ông K8 giao cho T18 tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc hợp đồng; Tviết tay vào phía sau của hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung “Đã nhận của anh K 100.000.000 đồng” và hẹn sau 07 ngày sẽ bàn giao bãi xe Bệnh viện N9 thời hạn bàn giao bãi xe, Tlấy lý do Bệnh viện chưa hoàn thiện nên dời ngày bàn giao. Sau khi ký hợp đồng hợp tác kinh doanh khoảng 10 ngày, T30 gặp ông K9 quán Sđịa chỉ số A đường N, phường Đ, Quận A cùng với vợ là bà Bùi Thị Kim G Vũ Đức D1và bà Vũ Thị N4 gặp Ttại đây, Tnói ông K10 50.000.000 đồng để làm hợp đồng thuê gói trông giữ xe Bệnh viện quận G1Ông Kđã giao 50.000.000 đồng cho T31 không có làm giấy nhận tiền. Sau khi nhận tiền, Thẹn 10 ngày sau sẽ bàn giao cả hai bãi xe như thỏa thuận. Sau đó, T32 tục trì hoãn việc bàn giao bãi xe và cắt liên lạc.

Đến tháng 11/2017, ông K11 lạc được với T33 được T34 biết bãi xe Bệnh viện N5phải qua Tết mới bàn giao được và T21 mâu thuẫn với ông Q(Giám đốc Bệnh viện quận G không thể giao bãi xe Bệnh viện quận G1cho ông K12 biết ông Đỗ Đình K13 đã đưa cho T300.000.000 đồng vào ngày 19/6/2017 để nhận gói trông giữ xe tại Bệnh viện G1nên ông K14 lại tiền thì T11 đang tham gia thanh lý xe ô tô nên sẽ bán rẻ lại cho ông K15 xe ô tô hiệu Mazda 2 trị giá 450.000.000 đồng; sau khi trừ 150.000.000 đồng đã nhận thì ông K16 cần đưa thêm cho T300.000.000 đồng, ông K17 ý. Đến cuối tháng 11/2017, T12 tạm cho ông K15 xe ô tô hiệu Kia Rondo; còn xe bán theo hẹn

khi nào làm được thủ tục sang tên sẽ giao sau. Sau đó vài ngày, T35 lại chiếc xe Kia Rondo và giao tạm cho ông K15 xe ô tô hiệu Kia Morning. Đến tháng 12/2017, khi đang sử dụng chiếc xe ô tô Kia Morning, ông K18 chủ sở hữu chiếc xe (chưa rõ lai lịch) chặn lại thông báo đây là xe do T36 nhưng tháo định vị GPS và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính. Ông K8 bàn giao xe cho chủ xe và liên lạc với T26 đòi tiền nhưng T3 trả tiền và cắt liên lạc, nên ngày 25/12/2020 ông K19 đơn tố cáo Đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G5

Tại Bản Kết luận giám định số 185/KLGD-TT ngày 24/12/2020 của Phòng K4 Công an Thành phố H kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Bích T37 mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3, chữ ký dưới mục Đại diện bên A trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 (đã nêu ở mục II. 1) so với chữ ký của Nguyễn Thị Bích T37 mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II. 2) do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3, chữ viết nội dung “Sau khi kết thúc hợp đồng tôi Nguyễn Thị Bích T22 trả lại tiền cọc cho chị Vũ Thị C25 (Ba mươi triệu) trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 (đã nêu ở mục II. 1) so với chữ viết của Nguyễn Thị Bích T37 mẫu so sánh ký hiệu từ M2 (đã nêu ở mục II. 2) do cùng một người ký ra ”. (Bút lục số 160-170)

Tại Bản Kết luận giám định số 494/KLGD-TT ngày 11/01/2021 của Phòng K4 Công an Thành phố H kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Bích T37 mẫu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Thị B1 T5 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết họ tên Nguyễn Thị Bích T38 viết nội dung “Đã nhận của Anh K20 một trăm triệu” ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu từ A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Nguyễn Thị B1 T5 trên mẫu so sánh ký hiệu M2 (đã nêu ở mục II. 2) do cùng một người ký ra ”. (Bút lục số 153-159)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H nhận hành vi phạm tội như sau:

Tháng 6/2017, T7 bà M19 bà B2 (không rõ lai lịch) cho biết việc bà B1 đã trúng thầu 02 bãi giữ xe của Bệnh viện N10 (Nhi đồng Thành phố); bà B1 đã làm bãi xe A, còn bãi xe B thì bà B1 muốn sang cho T7 bà M20 T đứng ra nhận rồi sang lại cho người khác; Đồng ý.

Ngày 27/6/2017, bà M10 N1 đưa bà Vũ Thị C31 quán V1 để sang nhượng lại bãi xe cho bà C. Tại đây, bà C18 cho T345.000.000 đồng (45.000.000 đồng tiền mặt, 300.000.000 đồng chuyển khoản). T có viết giấy nhận tiền, nội dung ghi T và bà M15 trách nhiệm đầu thầu bãi xe Bệnh viện N5 cho bà C10 khi nhận tiền. T đưa cho bà M17 bà N1 số tiền 45.000.000 đồng. Đến chiều T cùng bà MN1 đi rút 100.000.000 đồng tại trụ ATM Ngân hàng V và T giao số tiền này cho bà M21 lại 200.000.000 đồng, T nhờ ông T39 (nhân viên quán V) giao trực tiếp cho bà B1 để lo việc sang bãi xe cho bà C. Một tháng sau, bà C điện t nói T19 nhượng không đúng như hứa hẹn. T chạy ra Bệnh viện N11 bà C. Tại đây, bà C32 cho T40 đất trống trước bệnh viện. T thấy mặt bằng thích hợp làm căn tin nên gợi ý cho bà C2 giao cho bà L1 thực hiện. Sau đó bà L1 bà C có nhờ T41 sắm vật dụng để kinh doanh; T đã nhận 90.000.000 đồng của bà C33 mua đồ đạc vật dụng phục vụ kinh doanh căn tin cho bà C2 viết giấy nhận số tiền 90.000.000 đồng của bà C34 quán V1. Đến tháng 8/2017, bà C35 ý không kinh doanh căn tin nữa nên T10 đưa 40.000.000 đồng cho bà L1 để trả lại cho bà C (không viết giấy giao nhận tiền). Ngày 10/8/2017, T42 của bà C37 tiền 134 triệu đồng để gom đủ số tiền 500 triệu đồng đưa cho ông Q8 ông Q9 tiền để làm khu phức hợp tại tầng 7 của Bệnh viện G hỏi mượn tiền T. Năm 2017, T và ông T7 thuê được 01 miếng đất đối diện cổng Bệnh viện N5 để làm bãi xe. Ông Trần Bình K21 cho T43 cộng 150.000.000 đồng để hùn vốn làm bãi giữ xe. Do sau đó không dựng được nhà tạm nên hai bên đồng ý hủy việc làm ăn này.

Khoảng đầu năm 2017, T44 nhân viên Công ty D3 (không rõ địa chỉ, lai lịch) và được bà B1 cho biết là có khả năng lo trúng thầu dự án bãi giữ xe khu B Bệnh viện N5 ở huyện B với giá 200.000.000 đồng. Ngày 27/6/2017, bà Hoàng Thị M1 (nhân viên quán Vườn N3) giới thiệu bà Vũ Thị C38 Trần Thị L1 với T. Bà M1 bảo T45 ra ký giấy nhận tiền của bà C33 nhờ bà B1 giúp bà C39 thầu bãi giữ xe Bệnh viện N5 với giá 245.000.000 đồng. T và bà M22 thuận sau khi ký nhận tiền sẽ giao cho bà B3 đồng, bà M23 nợ cho T số tiền 50.000.000 đồng; số tiền còn lại do bà M17 bà N1 hưởng. Sau đó, T10 nhận 45.000.000 đồng tiền mặt từ bà C40 300.000.000 đồng do con rể bà C41 vào số tài khoản của T46 tại Ngân hàng V2 đó, T47 thẻ ATM của T46 tại Ngân hàng V3 ông T48 (nhân viên quán V1) để đi rút tiền; T không nhớ ông T6 rút được bao nhiêu tiền. T bù tiền cá nhân của T34 đủ số tiền 200.000.000 đồng rồi đưa cho ông T6 để giao cho bà B1 nhằm lo việc sang bãi xe cho bà C42 chiều cùng ngày, T49 bà M10 N4 đi công việc tại quận B khi xong việc, T49 bà M24 rút tiền tại chi nhánh Ngân hàng V4 quận B rút hết tiền trong tài khoản nhưng không nhớ đã rút bao nhiêu tiền. Sau khi rút tiền, T50 số tiền 200.000.000 đồng đã giao cho bà B1 số tiền 50.000.000 đồng bà M25 T còn lại, T10 đưa cho bà M26 tiền 95.000.000 đồng.

Tchưa bao giờ biết Khu giữ xe B của Bệnh viện N5 ở đâu, không nộp hồ sơ đấu thầu bãi xe này.

Khoảng 07 ngày sau, bà C43 cho T51 là bà M27 bãi đất trống bỏ hoang trước Bệnh viện N5 cho bà C44 liên hệ với bà B1 nhưng bà B1 né tránh. Thấy có lỗi nên T10 khuyên bà C30 cẩn tin phía trước cổng Bệnh viện. Thông qua mạng Internet biết có người bán đồ dụng cụ, bàn ghế cẩn tin với giá 90.000.000 đồng và bà C20 ý mua. Ngày 04/7/2017, tại quán V1 T viết giấy nhận 90.000.000 đồng của bà C. Sau này, bà C43 không kinh doanh nữa nên T10 trả trước cho bà C45 đồng (còn đồ bán cẩn tin mua qua mạng đang để tại quán V1 của T). Ngày 22/7/2017, tại quán V1 T đã ký hợp đồng hợp tác kinh tế không số với bà C. Cùng ngày, bà C9 trả lại cho T số tiền 23.000.000 đồng do T52 trước để lo giúp cho bà C17 bị đình chỉ hoạt động của bãi giữ xe ở quán “Con Cò” trên đường T thuộc Phường D, Quận E.

Bản thân T từ trước đến nay không tham gia đấu thầu hoặc trúng thầu đối với bãi xe và cẩn tin ở Bệnh viện N12 không có quyền sang nhượng lại quyền sử dụng, khai thác, kinh doanh đối với bãi xe và cẩn tin ở B2. Tại thời điểm ký giấy nhận của bà C37 tiền 345.000.000 đồng, T53 cẩn cứ vào lời nói của bà M10 B1 về việc bà B1 trúng thầu bãi xe; T54 không biết có thể bàn giao bãi xe cho bà C46 ngày 11/8/2017 như thỏa thuận hay không. T chưa bao giờ tham gia dự thầu dự án bãi xe, cẩn tin của Bệnh viện G8 quen thân với ông Phạm Hữu Q7 (Giám đốc Bệnh viện G chỉ định cho làm siêu thị bán trái cây ở Bệnh viện G1 sau đó, T12 lại cho bà M4 doanh. Ông Q10 với T55 cần số tiền 500.000.000 đồng để chạy dự án siêu thị, cẩn tin, cà phê (khu phức hợp) tại tầng 7 của Bệnh viện. Bà C47 được việc này nên cho T42 134.000.000 đồng và nói với T56 trúng thầu thì cho bà C26 làm. Ngày 10/8/2017, tại ki ốt kinh doanh kiểu siêu thị mini trong khuôn viên Bệnh viện quận G (do T12 cho bà M4 doanh), T10 nhận số tiền 134.000.000 đồng từ bà C2 viết giấy nhận tiền cho bà C48 việc này không có sự chứng kiến của bà L4 sau đó giữa T7 ông Q11 mâu thuẫn nên ông Q12 hợp tác với T.

Khoảng tháng 3/2017, T57 có 01 lô đất đang bỏ trống ở mặt tiền đường song hành của đường V, xã T, huyện B bên trái cổng chính của Bệnh viện Nhi đồng Thành phố. Trên lô đất có để thông tin và số điện thoại của người cho thuê là ông “M1” theo thông tin này để liên hệ thuê lô đất này của ông M28 (không rõ lai lịch, cư trú tỉnh Tiền Giang nhưng không rõ địa chỉ) để kinh doanh. Sau đó, T liên hệ với ông Phạm Đoàn T2 T3 đang công tác tại Trường Chính trị huyện B giúp T được xây dựng nhà tạm trên khu đất trống này.

Đến tháng 4/2017, T44 biết vợ chồng ông Trần Bình K22 qua bà Hoàng Thị M29 một người phụ nữ tên N1(chưa rõ lai lịch). Sau đó, ông K23 nhờ T14 thiêu mỗi để làm ăn kinh doanh. Tnói đang chuẩn bị kinh doanh hàng ăn, chành xe, bãi xe ở bãi đất trống trước cổng Bệnh viện N10 ở huyện B thì có thể góp tiền cùng kinh doanh với Tông K24 ý. Khoảng cuối tháng 4/2017, T21 đưa ông K7 xem miếng đất mà T58 bị kinh doanh. Tại đây, ông K21 cho T18 tiền 50.000.000 đồng để hùn vốn cùng kinh doanh; việc giao tiền chỉ có Tcùng ông K25 và không có làm giấy nhận tiền. Cũng vào ngày này, ông K6 của Tmột xe ô tô hiệu Innova, biển số 51F - 610.61 để phục vụ công việc cá nhân của ông K26 thuê xe không làm hợp đồng. Ngày 22/5/2017, ông K7 một mình đến nhà T13 căn hộ S chung cư C địa chỉ số A đường V, Phường A, Quận H, ông K21 cho Thai bản hợp đồng hùn vốn kinh doanh do ông K27 sẵn mà Tđã góp ý nội dung từ trước. Tvà ông K28 ký vào hai bản hợp đồng này; Tcó đóng dấu của hộ kinh doanh quán ăn gia đình V1 N3trên chữ ký của Ttrong hai bản hợp đồng này. Sau đó, T7 ông K29 người giữ một bản hợp đồng. Ông K23 đưa cho T100.000.000 đồng để hùn vốn kinh doanh tại bãi đất trống trước cổng Bệnh viện N10 ở huyện BTcó ghi tay vào phía sau bản hợp đồng được giao cho ông K30 nội dung “Đã nhận của anh K31 triệu đồng”.

Khoảng tháng 7/2017, ông T3báo cho T51 không xin được giấy phép xây nhà tạm trên bãi đất trống phía trước cổng Bệnh viện N5Tcó báo lại việc này cho ông Kông K32 với T59 mỗi làm ăn khác. Sau đó, T21 giới thiệu cho ông K33 mỗi để giao gà. Khoảng cuối tháng 10/2017, ông K22 báo cho T60 sử dụng chiếc xe ô tô hiệu Innova biển số 51F - 610.61 chở thuốc lá nên bị cơ quan chức năng tạm giữ. Sau sự việc này, T10 thu hồi và không cho ông K6 chiếc xe này nữa. Sau đó, T23 tục thuê xe một xe hiệu Kia Moning và một chiếc xe Innova để cho ông K6 lại. Trong quá trình sử dụng 02 chiếc xe này, ông K34 bị chủ xe thu hồi. Cả ba lần cho ông K6 xe nêu trên, ông K34 không trả tiền thuê xe cho T61 tính trừ vào số tiền 150.000.000 đồng Tđã nhận của ông K

Txác định trang thứ nhất, trang thứ hai của hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 22/5/2017 không thuộc hợp đồng mà T10 ký với ông K35 viết tay trên hai trang này của hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 22/5/2017 không phải là của TTrang thứ ba của hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 22/5/2017 là thuộc hợp đồng mà T10 ký với ông K36 các chữ viết tay trên trang này là của T

Kết quả xác minh:

- Ngày 28/12/2020, Bệnh viện G1 có Văn bản số 151/BC.CAĐT- BVGV, xác nhận: Hộ kinh doanh **Trần Thị M30** H1 trúng thầu dịch vụ khai thác căn tin Bệnh viện G1 thời hạn 05 năm và cung cấp toàn bộ hồ sơ trúng thầu của bà **H2**

- Ngày 25/01/2021, Bệnh viện N5 có Văn bản số 92/BVNĐTP-HCQT, xác nhận:

+ Ngày 16/01/2017, Bệnh viện đi vào hoạt động, theo sự chỉ đạo của Sở Y Bệnh viện ký hợp đồng hợp tác giữ xe đối với **Công ty TNHH MTV D4** (do ông **Lê T63** K3 làm Giám đốc) từ ngày 02/11/2016 đến nay.

+ Ngày 16/01/2017, Bệnh viện đi vào hoạt động đến ngày 01/4/2017, Bệnh viện đã ký Thỏa thuận hợp tác với **Công ty cổ phần V5** khai thác mặt bằng căn tin, thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2017 (từ ngày 16/01/2017 đến 01/4/2017, Bệnh viện không có căn tin).

+ Ngày 27/11/2017, Bệnh viện tổ chức mời đấu thầu gói khai thác, sử dụng mặt bằng căn tin qua mạng tại trang <http://mmuasamcong.mpi.gov> ngày 08/12/2017 mở thầu có 03 nhà thầu tham gia gồm: **Công ty cổ phần D5** cổ phần V3 và **Công ty cổ phần V6** qua **Công ty cổ phần V7** (do bà **Hà Thị P** T9 làm Giám đốc) trúng thầu thời gian hợp đồng 03 năm kể từ ngày 02/01/2018.

- Ngày 22/02/2022, **Công ty TNHH Một thành viên D6** văn bản số 40/DVCI-DVCC xác nhận: Vào năm 2017, **Công ty TNHH Một thành viên D7** có nhân viên nữ nào tên B1 làm việc giữ xe tại **Bệnh viện N10**

- **Công an xã T** lời xác minh: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, ở khu vực xung quanh Bệnh viện N5 tại địa chỉ **A, xã T, huyện B** ai tên “Mười” cho thuê đất; qua rà soát chưa phát hiện người làm chứng biết việc ông “Mười” cho thuê đất ở khu vực này.

- Ngày 06/7/2022, **Ngân hàng TMCP N13** nhánh Đ1 có Công văn số 1008/ĐSG-KT cung cấp bản sao chứng từ giao dịch số 27067.XI82.0069 ngày 27/6/2017 thể hiện **Nguyễn Thị Bích T64** hiện thủ tục rút số tiền mặt 252.000.000 đồng từ tài khoản số 0531000270757 tại trụ sở Chi nhánh Ngân hàng ở địa chỉ số A đường Đ, Phường A, quận B

- **Đ1** H2 trả lời xác minh: **Nguyễn Thị Bích T3** làm việc tại Đ.

- **Công an xã T, Thành phố H** lời xác minh: Ông **Đỗ Đình K2** sinh năm 1970 là Giám đốc Cơ sở cai nghiện tự nguyện “Ngày mai tươi sáng” có địa chỉ tại Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Ông K2 đã chết vào ngày 28/08/2021 vì tai nạn giao thông (Giấy trích lục khai tử số 253/TLKT- BS ngày 13/10/2022). Gia đình ông K2 không còn sinh sống tại địa chỉ **Khu E, T, xã T,**

huyện Đ, T quyền địa phương không xác định được nơi cư trú hiện nay của gia đình ông K37

Các bị hại bà Vũ Thị Công Trần Bình K38 người làm chứng bà Bùi Thị Kim G1 Trần Thị L1 và bà Hoàng Thị M31 người có liên quan theo lời khai của Tlà ông Phạm Đoàn T2 T3 (nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện B) (tên gọi khác là T6 là nhân viên quán V1 ông Phạm Hữu Q7 (nguyên Giám đốc Bệnh viện G1) những người này đều phủ nhận nội dung lời khai của Nguyễn Thị Bích T

Vật chứng của vụ án: 03 giấy nhận tiền và 01 hợp đồng hợp tác kinh tế do bà Vũ Thị C49 cấp; 01 hợp đồng hợp tác kinh doanh do ông Trần Bình K39 cấp.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị C50 cầu Nguyễn Thị Bích T65 thường tổng cộng số tiền 592.000.000 đồng. Ông Trần Bình K40 cầu Nguyễn Thị Bích T65 thường số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, gia đình bị cáo có khắc phục số tiền 30.000.000 đồng hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu.

Bản Cáo trạng số 97/CT-VKS-P2, ngày 20/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xem xét đầy đủ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, đã giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi và tội danh của bị cáo Nguyễn Thị Bích T như Bản Cáo trạng số 97/CT-VKS-P2, ngày 20/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T66 12 năm tù 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất về tội danh và điều khoản như Cáo trạng truy tố. Luật sư nêu ra một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình hoàn cảnh khó khăn; có nhiều giấy khen của chính quyền địa phương trong hoạt động thiện nguyện; đã tác động gia đình khắc phục số tiền 30.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung. Lời nói cuối cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra; Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Vụ án xảy ra trước thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2018 và được ra xét xử từ ngày 28/6/2023. Đối chiếu với quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử nhận thấy, khung hình phạt quy định theo Điều 139 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 có lợi hơn so với quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử vận dụng Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 để xét xử và lượng hình đối với bị cáo.

[3] Về nội dung vụ án: trên cơ sở thẩm tra, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hành vi phạm tội của bị

cáo được xác định như sau:

Nguyễn Thị Bích T không trúng thầu dịch vụ khai thác căn tin tại Bệnh viện Quận G, Thành phố H không trúng thầu khai thác dịch vụ giữ xe, khai thác căn tin tại Bệnh viện N5 nhưng T đã đưa ra thông tin gian dối, cho rằng T là phóng viên đang công tác tại Đài truyền hình Thành phố H2 có mối quan hệ với giám đốc bệnh viện quận G trúng thầu khai thác dịch vụ căn tin, nhà giữ xe của Bệnh viện quận G1 và Bệnh viện N5 và muốn sang nhượng lại cho các cá nhân có nhu cầu kinh doanh. Do tin tưởng các thông tin gian dối mà Nguyễn Thị Bích T67 ra, bị hại Vũ Thị C3 nhiều lần giao tiền cho T68 tổng số tiền 592.000.000 đồng để được sang lại quyền kinh doanh căn tin, bãi xe của Bệnh viện N5 bệnh viện quận G hại Trần Bình K21 giao cho T18 tiền 150.000.000 đồng để được sang nhượng lại quyền kinh doanh bãi xe bệnh viện N5 Từ đó, chiếm đoạt của bị hại Vũ Thị C51 tiền 592.000.000 đồng và của bị hại Trần Bình K41 tiền 150.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại thể hiện: Hộ kinh doanh Trần Thị M30 H1 trúng thầu dịch vụ khai thác căn tin Bệnh viện G1 thời hạn 05 năm và cung cấp toàn bộ hồ sơ trúng thầu của bà H2. Đối với bãi xe và căn tin của bệnh viện N14: ngày 16/01/2017, Bệnh viện ký hợp đồng hợp tác giữ xe đối với Công ty TNHH MTV D4 (do ông Lê T63 K3 làm Giám đốc) từ ngày 02/11/2016 đến nay và ngày 01/4/2017, Bệnh viện đã ký Thỏa thuận hợp tác với Công ty cổ phần V5 khai thác mặt bằng căn tin, thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2017 (từ ngày 16/01/2017 đến 01/4/2017, Bệnh viện không có căn tin). Kết quả xác minh tại Đài truyền hình Thành phố Đ1 hiện Nguyễn Thị Bích T3 làm việc tại Đ

Với hành vi nêu trên, có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Thị Bích T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án các cấp xét xử về nhiều tội danh khác nhau. Do đó, với hành vi phạm tội và nhân thân nêu trên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính

chất, mức độ, hậu quả phạm tội do bị cáo gây ra, mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, vào ngày 11/4/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 73/2023/HSST) hiện đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong vụ án này khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ vận dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục số tiền 30.000.000 đồng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: bị hại **Vũ Thị C50** cầu bị cáo trả lại số tiền 592.000.000 đồng và bị hại **Trần Bình K40** cầu bị cáo trả lại số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy các yêu cầu trên là có căn cứ, nên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần buộc bị cáo trả lại cho bị hại **Vũ Thị C51** tiền 592.000.000 đồng và trả lại cho bị hại **Trần Bình K41** tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo tác động gia đình khắc phục số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại **Vũ Thị C2** 15.000.000 đồng cho bị hại **Trần Bình K42** cộng số tiền 30.000.000 đồng, hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001699 ngày 28/6/2023). Do đó, cần ghi nhận và các bị hại có quyền liên hệ với Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật.

Như vậy, số tiền còn lại cần buộc bị cáo trả lại cho bị hại, cụ thể là:

+ Bị cáo phải trả lại cho bị hại **Vũ Thị C51** tiền 592.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = **577.000.000 đồng**.

+ Bị cáo phải trả lại cho bị hại **Trần Bình K41** tiền 150.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = **135.000.000 đồng**.

[5] Lập luận trên đây cũng là căn cứ của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về xử lý vật chứng: đối với 03 giấy nhận tiền và 01 hợp đồng hợp tác kinh tế do bà **Vũ Thị C49** cấp; 01 hợp đồng hợp tác kinh doanh do ông **Trần**

Bình K39 cấp. Đây là chứng cứ có liên quan đến hành vi phạm tội, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án, nên cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T: 12 (Mười hai) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù tại Bản án số 73/2023/HSST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2021.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Ghi nhận bị cáo tác động gia đình khắc phục số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại **Vũ Thị C2** 15.000.000 đồng cho bị hại **Trần Bình K42** cộng số tiền 30.000.000 đồng, hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Vũ Thị C2** ông **Trần Bình K43** quyền liên hệ với Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật. (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001699 ngày 28/6/2023).

+ Buộc Bị cáo phải trả lại cho bị hại **Vũ Thị C51** tiền 577.000.000 đồng.

+ Buộc Bị cáo phải trả lại cho bị hại **Trần Bình K41** tiền 135.000.000 đồng.

+ Lưu theo hồ sơ vụ án đối với 03 giấy nhận tiền và 01 hợp đồng hợp tác kinh tế do bà **Vũ Thị C49** cấp; 01 hợp đồng hợp tác kinh doanh do ông **Trần Bình K39** cấp.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Người bào chữa; (1)
- THA HS; (3)
- Phòng PV06 - CA Tp. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.

án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.